TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 103/2019/QĐST-HNGĐ

B, ngày 05 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1994

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Hà Văn V, sinh năm: 1987

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị H và anh Hà Văn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về hôn nhân:** Chị Trần Thị H và anh Hà Văn V tự nguyện thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Chị Trần Thị H và anh Hà Văn V có 01 con chung là cháu Hà Trần KV, sinh ngày: 15/11/2013. Hai bên đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận khi ly hôn giao cháu Hà Trần KV cho anh Hà Văn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, chị Trần Thị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu KV đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*** Về tài sản và công nợ:** Các đương sự khai không có tài sản chung, không có công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và công nợ.

*** Về án phí:** Các đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận chị Trần Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng án phí chị phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại biên lai thu số: AA/2018/0005102 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bá Thước;
- UBND xã Lũng Cao;
- Chi cục THADS huyện Bá Thước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Văn Sửng